

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tình;

2. Bà Ngô Thị Luân.

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tiêu Năng M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lê Thị Quỳnh M1 – Văn phòng L thuộc đoàn luật sư tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Phương A, sinh năm 2002.

Địa chỉ: số G QL20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền lập ngày 28/10/2025.

Bị đơn: Bà Vương Thị Tuyết N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ A, thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Tiêu Năng M và bà Vương Thị Tuyết N thống nhất thỏa thuận chia đôi tài sản chung là diện tích 11777 m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản số 09-2022 (xã N cũ), nay là tờ 54-2025 xã N, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất.

- Giao cho ông Tiêu Năng M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6126 m² đất thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản số 09-2022 (xã N cũ), nay là tờ 54-2025 xã N, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất.

- Giao cho bà Vương Thị Tuyết N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 5651m² đất thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản số 09-2022 (xã N cũ), nay là tờ 54-2025 xã N, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất.

Ông Tiêu Năng M tự nguyện thanh toán cho bà Vương Thị Tuyết N giá trị tài sản chênh lệch với số tiền là 148.867.000 đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Bà Vương Thị Tuyết N có nghĩa vụ giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 00066007 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cấp ngày 10/01/2025 mang tên ông Tiêu Năng M, bà Vương Thị Tuyết N đối với diện tích 11777 m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản số 09-2022 (xã N cũ), nay là tờ 54-2025 xã N, tỉnh Lâm Đồng cho cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai hiện hành.

- Về án phí: Ông Tiêu Năng M tự nguyện nhận chịu 112.250.522 đ (*Một trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia.

Bà Vương Thị Tuyết N tự nguyện nhận chịu 112.250.522 đ (*Một trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia.

- Về chi phí tố tụng: Ông Tiêu Năng M tự nguyện nhận chịu 19.416.218đ (*Mười chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm mười tám đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Số tiền này ông Tiêu Năng M đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

Bà Vương Thị Tuyết N tự nguyện nhận chịu 19.416.218đ (*Mười chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm mười tám đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Số tiền này ông Tiêu Năng M đã nộp đủ và đã được quyết toán xong. Do vậy, bà Vương Thị Tuyết N tự nguyện nhận trả lại cho ông Tiêu Năng M 19.416.218 đ (*Mười chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm mười tám đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh